



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /2023/NQ-HĐND

**Dự thảo**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 51/2019/TT-BTC ngày 15/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán, thanh quyết toán kinh phí biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số ...../BC-HĐND-VHXX ngày ... tháng ... năm 2023*



*của Ban Văn hóa xã hội - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị Quyết này quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

- Kế hoạch 174/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Kế hoạch 270/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến 2025 trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với các khoản tài trợ, viện trợ thuộc ngân sách nhà nước mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Sở Tài chính chưa có thỏa thuận về nội dung, mức chi thì áp dụng theo nội dung, mức chi quy định tại Nghị quyết này;

c) Đối với các hoạt động, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia có lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác được áp dụng quy định tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

d) Nghị quyết này không áp dụng đối với:

- Các khoản tài trợ, viện trợ thuộc ngân sách nhà nước đã có hướng dẫn riêng của cấp có thẩm quyền về chế độ chi tiêu tài chính;

- Các nội dung hoạt động của các dự án, tiểu dự án, nội dung, nội dung thành phần, thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư công.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

### **Điều 2. Nội dung, mức chi**

1. Xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 51/2019/TT-BTC ngày 15/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán, thanh quyết toán, kinh phí biên soạn, thẩm định

tài liệu giáo dục của địa phương thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

2. Thiết kế công nghệ, thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về xóa mù chữ, dạy học xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính, quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

3. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước được ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đối với mức chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên: Thực hiện theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 quy định nội dung mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

4. Thông tin, tuyên truyền về công tác xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính, quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

5. Hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ: Chi hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ: 500.000 đồng/người hoàn thành chương trình một kỳ học (tương đương một lớp, thời gian mỗi kỳ học có thể kéo dài từ 9 tháng đến một năm).

6. Hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm cho giáo viên và học viên theo thực tế phát sinh.

Riêng chi mua sách giáo khoa cho học viên: Thực hiện theo điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Đối với hỗ trợ học phẩm cho học viên áp dụng theo tiêu chuẩn từng bậc học quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc.

7. Tiền công đối với người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (nếu có) từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn

quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và điểm b khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 quy định nội dung mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và nhiệm vụ được giao cho địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Nguồn kinh phí huy động từ tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Những nội dung khác liên quan đến công tác quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện đối với nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

3. Trong quá trình thực hiện, các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh,
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT, Sở TT&TT;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT<sub>(09/6)</sub>.

**CHỦ TỊCH**